TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Bà Nguyễn Thùy Trang

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn B, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt đề ngày 15/4/2022).

- Bị đơn: Bà Trần Tuyết C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt đề ngày 15/4/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2022, biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2022, nguyên đơn, ông Hồ Văn B trình bày: Ông và bà Trần Tuyết C xây dựng hôn nhân vào khoảng tháng 11 năm 1988 âm lịch, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà C có 02 con chung tên: D, sinh ngày 24/10/2004 và E, sinh ngày 24/10/2004. Các con đang sống chung với bà C tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống ông và bà C có 01 căn nhà cấp IV, ngang hơn 5m, dài khoảng 30m, cấu trúc xây tường, nền gạch men, mái thiếc, nhà cất năm 2014, nhà cất trên đất của cha mẹ vợ cho riêng bà C. Phần đất cha mẹ vợ cho đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cá nhân bà C đứng tên quyền sử dụng đất. Xe máy hiệu LVX, do ông đứng tên nhưng ông và bà C đã thỏa thuận ông sẽ giao xe lại cho

con trai tên D quản lý. Đối với tài sản này ông và bà C đã thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Nguyên nhân ly hôn là do ông và bà C có những bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông và bà C đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn.

Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Tuyết C, không yêu cầu đoàn tụ. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung là cháu D, sinh ngày 24/10/2004 và E, sinh ngày 24/10/2004 cho bà C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2022, bị đơn bà Trần Tuyết C trình bày: Bà và ông Hồ Văn B xây dựng hôn nhân vào tháng 11 năm 1988 âm lịch, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông B có 02 con chung tên: D, sinh ngày 24/10/2004 và E, sinh ngày 24/10/2004. Các con đang sống chung với bà C tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Về tài sản chung: Vợ chồng bà có 01 căn nhà cấp IV, ngang hơn 5m, dài khoảng 30m, cấu trúc xây tường, nền gạch men, mái thiếc, nhà cất năm 2014, nhà cất trên đất của cha mẹ bà cho riêng bà. Phần đất cha mẹ bà cho đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cá nhân bà đứng tên; 01 xe máy hiệu LVX, xe do ông B đứng tên nhưng vợ chồng bà đã thỏa thuận giao cho ông B 10.000.000 đồng, ông B giao xe cho con trai tên D quản lý. Đối với tài sản này vợ chồng bà đã thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng có những bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn. Do bà và ông B đã không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn với ông B, không yêu cầu đoàn tụ. Khi ly hôn bà đồng ý tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu D, sinh ngày 24/10/2004 và E, sinh ngày 24/10/2004, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, Điều 85, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Không công nhận ông Hồ Văn B và bà Trần Tuyết C là vợ chồng. Giao các cháu D, sinh ngày 24/10/2004 và E, sinh ngày 24/10/2004 cho bà Trần Tuyết C tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ông Hồ Văn B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Hồ Văn B yêu cầu ly hôn với bà Trần Tuyết C, hiện nay bà C đang cư trú tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Hồ Văn B và bà Trần Tuyết C đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn B và bà Trần Tuyết C chung sống vào tháng 11 năm 1988 âm lịch, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông B và bà C đã xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông B yêu cầu ly hôn với bà C. Do đó, có đủ căn cứ không công nhận ông Hồ Văn B và bà Trần Tuyết C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Hồ Văn B và bà Trần Tuyết C chung sống có hai con chung tên D, sinh ngày 24/10/2004 và E, sinh ngày 24/10/2004, hiện các con đang sống chung với bà C. Khi ly hôn, ông B đồng ý giao con cho bà C nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Bà C cũng có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu D, sinh ngày 24/10/2004 và E, sinh ngày 24/10/2004. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 15/4/2022, cháu D và E đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà C. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu D, sinh ngày 24/10/2004 và E, sinh ngày 24/10/2004 cho bà C tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hồ Văn B và bà Trần Tuyết C thống nhất tài sản chung là 01 căn nhà cấp IV, ngang hơn 5m, dài khoảng 30m, cấu trúc xây tường, nền gạch men, mái thiếc, nhà cất năm 2014, nhà cất trên đất của cha mẹ bà C cho riêng bà C. Phần đất này bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cá nhân bà đứng tên quyền sử dụng đất; 01 xe máy hiệu LVX, xe do ông B đứng tên nhưng đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự không có giá ngạch: Ông Hồ Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 85, 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Hồ Văn B và bà Trần Tuyết C là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao các cháu D, sinh ngày 24/10/2004 (giới tính: Nam) và E, sinh ngày 24/10/2004 (giới tính: Nam) cho bà Trần Tuyết C tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Trần Tuyết C không yêu cầu ông Hồ Văn B phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình: Ông Hồ Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Hồ Văn B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000881 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND xã H, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến